

Soạn văn 10 bài: Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt (Tiếp theo)

1. Soạn bài: Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt (Tiếp theo) (ngắn nhất) mẫu 1

1.1. Câu 1 (trang 127 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1)

a. – Tính cụ thể:

+ Cụ thể về không gian và thời gian: Không gian: rừng khuya; thời gian: giữa đêm khuya.

+ Cụ thể về người nói và người nghe: “Nghĩ gì đấy Th.oi. Nghĩ gì mà đôi mắt đăm đăm nhìn qua bóng đêm” (sự phân thân đối thoại).

- Tính cá thể: biểu hiện ở giọng văn, cách dùng từ ngữ. Nó cho ta thấy người viết nhật kí là một người có đời sống nội tâm phong phú, là người giàu tình cảm và có ý thức trách nhiệm cao đối với công việc của mình.

b. Ghi nhật kí không chỉ giúp ta bộc lộ cảm xúc mà nó còn giúp ta chau dồi ngôn từ, làm tăng khả năng diễn đạt, tránh các lỗi sai về chính tả, ngữ pháp.

1.2. Câu 2 (trang 127 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1)

Dấu hiệu của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt:

- Từ xưng hô: mình, ta; cô, anh.

- Ngôn ngữ đối thoại: “Mình về có nhớ ta chăng?”; “Hồi cô yếm trắng lòe xòa”

- Lời ăn tiếng nói hằng ngày: “Lại đây đập đất trồng cà với anh”, “hàm răng mình cười”.

1.3. Câu 3 (trang 127 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1):=

Đoạn đối thoại của Đăm Săn với dân làng được mô phỏng phong cách ngôn ngữ sinh hoạt, cũng có sự hô – đáp, sự luân phiên giữa người nói và người nghe, nhưng ở đây lời nói có tính điệp từ, điệp ngữ: “Ai chăn ngựa hãy đi dắt ngựa! Ai giữ voi hãy đi bắt voi! Ai giữ trâu hãy đi lừa trâu về!”; “Ồ nghìn chim sẻ, ơ vạn chim ngói!” và mỗi câu văn đều có tính nhịp điệu, mang đậm chất sử thi, khác với lời ăn tiếng nói hằng ngày. Điều này là do đoạn đối thoại trên là đoạn đối thoại trong một

tác phẩm sử thi. Một tác phẩm sử thi cần phải có sự nhịp nhàng, nhịp điệu để thích hợp với hình thức hát – kể. Do đó đoạn đối thoại trong sử thi dù có mô phỏng phong cách ngôn ngữ sinh hoạt cũng không giống nhau hoàn toàn phong cách sinh hoạt.

2. Soạn bài: Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt (Tiếp theo) (ngắn nhất) mẫu 2

2.1. Đặc trưng của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

- Tính cụ thể
- Tính cảm xúc
- Tính cá thể

2.2. Luyện tập

Bài 1 (Trang 127 sgk ngữ văn 10 tập 1)

Đặc trưng phong cách ngôn ngữ trong nhật kí Đặng Thùy Trâm:

- Tính cụ thể:

+ Về thời gian, địa điểm: đây cũng là đặc trưng chung khi viết nhật kí

+ Cụ thể về người nói, mục đích nói (nhân vật tự nhủ với bản thân)

+ Cụ thể trong diễn đạt: hô gọi, lời tự nhủ, lời tự trách

- Tính cảm xúc: giọng thủ thỉ tâm tình nói về hiện tại và tương lai đôi lúc giọng hơn trách, giục giã (nghĩ gì đấy Th. ơi?; Đáng trách quá Th. ơi)

- Tính cá thể

+ Có nét riêng biệt của giọng điệu tâm tình đặc trưng của nhật kí: có nhiều từ ngữ nội tâm, giọng trẻ- tâm hồn của người trẻ khi sống trong hoàn cảnh chiến tranh.

b, Ghi nhật kí giúp bạn có thể phát triển vốn ngôn ngữ, vốn từ vựng cũng như cách diễn đạt linh hoạt.

Bài 2 (trang 127 sgk ngữ văn 10 tập 1)

Từ ngữ xưng hô: ta, cô, anh, mình phổ biến trong giao tiếp đời thường



- Ngôn ngữ đối thoại: thân mật, yêu thương (Mình về có nhớ ta chăng/ Lại đây đập đất trồng cà với anh.)
- Thể thơ lục bát dễ nhớ
- Lời nói gần gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày, gần gũi bình dị nhưng cũng tế nhị sắc sảo.

Tính cảm xúc: cả hai câu ca dao đều thể hiện tình cảm, lời tỏ tình dí dỏm

Bài 3 (trang 127 sgk ngữ văn 10 tập 1)

Đoạn đối thoại của Đăm Săn với dân làng mang phong cách ngôn ngữ sinh hoạt, có sự hô đáp, luân phiên giữa người nói người nghe

- + Tính chất điệp ngữ, điệp từ phổ biến trong sử thi: ai giữ trâu hãy đi lừa trâu về/ Ở nghìn chim sẻ, ở vạn chim ngói.
- + Mỗi câu văn có tính nhịp điệu, mang đậm sử thi
- + Cách nói ví von, gắn chặt với sự vật, hoạt động trong đời sống thường ngày
- + Đoạn sử thi có mô phỏng phong cách ngôn ngữ sinh hoạt cũng không giống nhau hoàn toàn về phong cách sinh hoạt.